

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DIC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	05 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	10 - 11
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	12 - 32

1.030
TR
D
T
14

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Đầu tư và Thương mại DIC – là thành viên thuộc Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng theo Quyết định số 1981/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 01 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần 12 ngày 21 tháng 05 năm 2010.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế, công trình hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng;
- Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; Kinh doanh nhà ở, cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở); sản xuất chế biến gỗ, sản phẩm gỗ (không chế biến tại trụ sở); mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu;
- Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở); mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ.
- Đầu tư phát triển khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Trụ sở chính của Công ty tại số 13-13Bis Kỳ Đồng – Phường 9 – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Hải	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoa	Thành viên
Ông Dương Đình Thái	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hải
Ông Dương Đình Thái
Ông Nguyễn Mạnh Chiến

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Khuất Tùng Phong
Bà Lê Thị Thìn
Bà Lê Thị Thanh Hưng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm/tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Nguyễn Đức Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Số: 2013/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con được lập ngày 28/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin được lưu ý như sau: Khoản đầu tư vào Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2 (xem thuyết minh V.8) được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty này chưa được kiểm toán. Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2 đang trong quá trình đầu tư xây dựng, tuy nhiên tiến độ triển khai xây dựng các hạng mục là chậm hơn so với kế hoạch.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc

Nguyễn Thị Cục

Chứng chỉ KTV số: 0700/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Chứng chỉ KTV số: 1732/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		496.173.538.199	471.473.190.706
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.297.490.633	68.042.888.453
1. Tiền	111		15.146.490.633	68.042.888.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.151.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.345.801.000	3.150.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.345.801.000	3.150.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306.757.844.409	232.372.537.609
1. Phải thu khách hàng	131		192.070.251.530	125.500.124.316
2. Trả trước cho người bán	132		100.202.073.015	83.348.388.995
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	14.485.519.864	23.524.024.298
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	120.404.067.676	113.259.692.046
1. Hàng tồn kho	141		120.404.067.676	113.259.692.046
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.368.334.481	54.648.072.598
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.145.277.493	7.318.629.239
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.984.428.414	37.993.987.880
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	8.238.628.574	9.335.455.479
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		151.802.349.615	157.147.468.055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.865.714.061	59.248.626.546
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	44.052.324.486	23.064.456.161
- Nguyên giá	222		81.199.291.709	58.292.999.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.146.967.223)	(35.228.543.483)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	813.389.575	36.184.170.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	97.353.942.463	96.619.336.363
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		97.051.242.463	96.316.636.363
3. Đầu tư dài hạn khác	258		302.700.000	302.700.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.582.693.091	1.279.505.146
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	8.751.074.114	137.740.220
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		288.618.977	88.764.926
3. Tài sản dài hạn khác	268		543.000.000	1.053.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		647.975.887.814	628.620.658.761

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		444.290.642.556	412.786.427.950
I. Nợ ngắn hạn	310		427.737.612.785	391.527.247.644
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	315.489.990.961	306.240.553.891
2. Phải trả người bán	312		83.166.919.063	51.090.505.209
3. Người mua trả tiền trước	313		7.594.798.393	4.638.554.790
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	10.786.428.987	14.155.824.060
5. Phải trả người lao động	315		1.383.844.416	1.654.279.224
6. Chi phí phải trả	316	V.12	788.618.803	1.402.639.146
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		1.214.160	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	9.193.464.939	12.799.521.286
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(667.666.937)	(454.629.962)
II. Nợ dài hạn	330		16.553.029.771	21.259.180.306
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	15.424.000.000	20.303.500.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.129.029.771	409.994.228
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	53.958.805
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.15	-	491.727.273
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		202.576.887.633	214.350.878.037
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	202.576.887.633	214.350.878.037
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		164.460.690.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.498.570.846	23.959.260.846
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.694.955.137)	(759.341.306)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.275.188.121	14.175.985.969
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.893.857.185	4.629.148.669
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.143.536.618	22.345.823.859
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.108.357.625	1.483.352.774
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		647.975.887.814	628.620.658.761

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		5.922,85	6.658,00
- EUR		200,32	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.204.898.067.215	1.037.429.448.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	22.661.334.173	19.042.793.486
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.182.236.733.042	1.018.386.655.204
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.101.171.400.071	940.155.262.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.065.332.971	78.231.393.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.666.267.729	21.007.513.840
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	42.945.786.449	57.153.380.702
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.701.472.771	38.394.586.534
8. Chi phí bán hàng	24		13.121.305.531	11.886.651.341
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.683.878.861	15.336.411.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.980.629.859	14.862.462.870
11. Thu nhập khác	31		8.113.850.018	1.213.143.700
12. Chi phí khác	32		7.015.620.463	636.902.445
13. Lợi nhuận khác	40		1.098.229.555	576.241.255
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		734.606.100	2.859.928.556
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.813.465.514	18.298.632.681
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	3.800.155.506	2.186.280.410
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		519.181.492	(9.152.492)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.494.128.516	16.121.504.763
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(273.068.532)	(31.901.427)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		6.767.197.048	16.153.406.190
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	424	1.045

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.123.944.523.609	1.029.309.632.463
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.135.209.862.558)	(1.023.537.562.222)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.382.675.933)	(18.804.036.896)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(41.768.611.709)	(37.694.456.001)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.661.625.588)	(361.640.497)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		70.124.856.616	11.914.895.162
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.998.256.228)	(25.465.422.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.951.651.791)	(64.638.590.629)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.642.477.069)	(40.365.599.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.005.090.909	161.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(170.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.041.185.000	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.445.801.000)	(5.250.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.150.000.000	1.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		78.262.892	1.188.562.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.016.260.732	(22.865.491.328)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	27.988.638.062
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.935.613.831)	(759.341.306)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.264.839.710.491	1.106.211.972.715
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.260.249.773.421)	(985.649.742.196)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.464.330.000)	(15.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.810.006.761)	132.791.527.275

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(50.745.397.820)	45.287.445.318
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		68.042.888.453	22.754.085.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.357.206
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	17.297.490.633	68.042.888.453

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Đầu tư và Thương mại DIC – là thành viên thuộc Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng theo Quyết định số 1981/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 01 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần 12 ngày 21 tháng 05 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại số 13-13Bis Kỳ Đồng – Phường 9 – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Danh sách các Công ty được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dic Đà Nẵng (Công ty con)
+ Địa chỉ: Khu công nghiệp Hòa Khánh – Thành phố Đà Nẵng
+ Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ: 91%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC Đà Lạt (Công ty con)
+ Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Hội – Huyện Đức Trọng – Tỉnh Lâm Đồng
+ Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ: 90%
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và phát triển xây dựng Đà Nẵng – Tên cũ: Công ty TNHH Một thành viên bao bì Đà Nẵng (được sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dic Đà Nẵng và theo yêu cầu của các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dic Đà Nẵng thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH Một thành viên bao bì Đà Nẵng được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC).
- Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2 (Công ty liên kết)
+ Địa chỉ: Xã Yên Mao – Huyện Thanh Thủy – Tỉnh Phú Thọ
+ Tỷ lệ vốn góp: 49%
+ Phương pháp hợp nhất: Phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Minh Phong (Công ty liên kết)
+ Địa chỉ: 602/51A Điện Biên Phủ - Phường 22 - Quận Bình Thạnh – Tp. Hồ Chí Minh.
+ Tỷ lệ vốn góp: 49%
+ Phương pháp hợp nhất: Phương pháp vốn chủ sở hữu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường, đường dây và trạm biến thế, công trình hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khai thác vận chuyển đất, cát để san lấp mặt bằng; Mua bán hàng nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ; Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất; Kinh doanh nhà ở; cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và đường thủy; Sản xuất vật liệu xây dựng trang trí nội thất, ngói màu (không sản xuất tại trụ sở); sản xuất chế biến gỗ, sản phẩm gỗ (không chế biến tại trụ sở); mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu; Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở); mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ; Đầu tư phát triển khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất: Các số dư trong nội bộ Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị được đầu tư.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

TY / C
DUT
SV
BTC
DAN
DAN
DAN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác	05 – 20 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	3.975.271.101	2.895.718.914
Tiền gửi ngân hàng	11.171.219.532	65.147.169.539
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng)	2.151.000.000	-
Cộng	17.297.490.633	68.042.888.453

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1.345.801.000	3.150.000.000
- Cổ phiếu Công ty CP Bourbon An Hòa (210.000 cổ phiếu)	-	3.150.000.000
- Cổ phiếu Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam (72.746 cổ phiếu)	1.345.801.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Cộng	1.345.801.000	3.150.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	190.917.992
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Minh Phong	128.815.000	9.000.000.000
Phải thu Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh (*)	13.470.790.894	13.470.790.894
Phải thu thuế Thu nhập cá nhân	128.860.322	126.950.824
Phải thu khác	757.053.648	735.364.588
Cộng	14.485.519.864	23.524.024.298

(*) *Phải thu Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh bao gồm: Khoản tiền Công ty chuyển cho Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh để thực hiện dự án đầu tư tại khu đất 112 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/HĐHTKD ngày 26/01/2007 và Biên bản thỏa thuận ngày 27/01/2007 là 10.095.940.000 đồng (Thành lập Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006863 ngày 28/05/2007, đến thời điểm 31/12/2012 Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hướng Việt vẫn chưa đi vào hoạt động) và khoản lãi vay phát sinh được Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh đồng ý trả cho Công ty theo Biên bản thỏa thuận ngày 26/07/2010 là 3.374.850.894 đồng.*

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.908.284.064	3.695.289.116
Công cụ, dụng cụ	5.309.792	49.853.028
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.251.301.807	5.353.589.277
Thành phẩm	21.383.798.506	11.069.258.665
Hàng hoá	87.805.572.714	93.091.701.960
Hàng gửi đi bán	49.800.793	-
Cộng	120.404.067.676	113.259.692.046
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	120.404.067.676	113.259.692.046

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.611.948.204	3.558.706.644
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.626.680.370	5.776.748.835
Cộng	8.238.628.574	9.335.455.479

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	15.337.998.400	31.030.659.490	10.682.124.159	874.948.615	367.268.980	58.292.999.644
Số tăng trong năm	1.391.440.930	28.433.876.381	794.114.482	83.075.454	248.000.000	30.950.507.247
- Mua sắm mới	1.391.440.930	28.399.330.926	340.296.300	83.075.454	248.000.000	30.462.143.610
- Phân loại lại	-	34.545.455	453.818.182	-	-	488.363.637
Số giảm trong năm	488.363.637	325.954.545	7.229.897.000	-	-	8.044.215.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	325.954.545	7.229.897.000	-	-	7.555.851.545
- Phân loại lại	488.363.637	-	-	-	-	488.363.637
Số dư cuối năm	16.241.075.693	59.138.581.326	4.246.341.641	958.024.069	615.268.980	81.199.291.709
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	7.703.950.421	18.812.524.898	7.805.552.896	658.371.507	248.143.761	35.228.543.483
Khấu hao trong năm	1.602.757.384	5.692.821.819	704.030.408	130.185.473	44.542.323	8.174.337.407
- Khấu hao trong năm	1.602.757.384	5.692.821.819	662.760.404	130.185.473	44.542.323	8.133.067.403
- Phân loại lại	-	-	41.270.004	-	-	41.270.004
Giảm trong năm	-	47.800.104	6.204.921.443	3.192.120	-	6.255.913.667
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.722.220	6.204.921.443	-	-	6.214.643.663
- Phân loại lại	-	38.077.884	-	3.192.120	-	41.270.004
Số dư cuối năm	9.306.707.805	24.457.546.613	2.304.661.861	785.364.860	292.686.084	37.146.967.223
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>						
Tại ngày đầu năm	7.634.047.979	12.218.134.592	2.876.571.263	216.577.108	119.125.219	23.064.456.161
Tại ngày cuối năm	6.934.367.888	34.681.034.713	1.941.679.780	172.659.209	322.582.896	44.052.324.486

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.072.657.168 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	813.389.575	36.184.170.385
- Dự án Hóc Môn	813.389.575	546.995.120
- Nhà máy xi măng Sơn Hồng	-	35.637.175.265
Cộng	813.389.575	36.184.170.385

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	97.051.242.463	96.316.636.363
Đầu tư dài hạn khác	302.700.000	302.700.000
- Đầu tư cổ phiếu (Công ty Cp Đầu tư Phát triển Xây Dựng Minh Hưng - 30.000 cổ phiếu)	302.700.000	302.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	97.353.942.463	96.619.336.363

Các khoản đầu tư vào liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	31/12/2012		01/01/2012	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
Đầu tư vào công ty liên kết		97.051.242.463		96.316.636.363
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tài Minh Phong	49%	14.218.124.407	49%	13.483.518.307
Công ty Cổ phần Xi Măng Hữu Nghị 2 (*)	49%	82.833.118.056	49%	82.833.118.056

(*) Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 bao gồm 26.333.118.056 đồng được ghi nhận từ khoản lãi phát sinh từ khoản góp vốn đầu tư mà Công ty đã chuyển cho Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương để thực hiện dự án theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương và Bảng tính lãi từ ngày 20/09/2007 đến 31/12/2010. Số tiền trên Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương chuyển thẳng vào Công ty cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2 theo tiến độ dự án và theo yêu cầu của DIC để nộp vốn góp còn thiếu của DIC tại Công ty cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2 (vốn điều lệ chưa nộp đủ theo số vốn đã đăng ký kinh doanh). Trong số vốn đã góp vào Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 có 1.050.000.000 đồng là vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty cổ phần xi măng Hữu Nghị 2 vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

Ghi chú: Quyền biểu quyết của công ty trong các công ty liên doanh liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại các công ty này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ	66.965.781	55.191.082
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	-	82.549.138
Quyền sử dụng đất CN Bình Phước	8.684.108.333	-
Cộng	8.751.074.114	137.740.220

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	315.489.990.961	306.240.553.891
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình (a)	125.118.205.149	207.181.493.329
- Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV (b)	190.171.785.812	92.343.275.562
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (c)	-	6.570.000.000
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn (d)	200.000.000	145.785.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	315.489.990.961	306.240.553.891

- (a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - CN Sài Gòn theo Hợp đồng cấp hạn mức số 0289/12/TD/XX ngày 23/07/2012 và phụ lục số PL-0289, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh Clinker, xi măng, thạch cao, gỗ, sắt thép. Số dư nợ vay đến 31/12/2012 là 2.316.026,75 USD (tương đương 48.238.205.149 đồng) và 76.880.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng cầm cố, thế chấp hàng nhập khẩu, khoản phải thu và số cổ đông của Công ty góp vốn vào Công ty CP xi măng Hữu Nghị 2.
- (b) Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22/2012/1596656 ngày 22/04/2012. Số dư nợ vay đến 31/12/2012 là 833.410,34 USD (tương đương 17.358.270.562 đồng) và 172.813.515.250 đồng, thời hạn vay tối đa 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo một phần bằng tài sản và quyền góp vốn vào Công ty CP xi măng Hữu Nghị 2.
- (d) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn theo hợp đồng số 365-2010/HĐTD ngày 26/10/2011, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 18%/năm, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	294.078.660	87.306.612
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.347.572.789	6.072.082.289
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.927.660.029	7.796.677.949
Thuế thu nhập cá nhân	217.117.509	199.757.210
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	10.786.428.987	14.155.824.060

12. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí nhà máy ngói	-	353.626.883
Trích trước chi phí lãi vay	632.991.595	700.130.533
Chi phí phải trả khác	155.627.208	348.881.730
Cộng	788.618.803	1.402.639.146

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	44.089.668	435.539.850
Kinh phí công đoàn	35.158.970	69.633.309
Phải trả tiền thực hiện dự án	62.877.199	353.913.836
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ (*)	8.700.000.000	11.425.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	351.339.102	515.434.291
Cộng	9.193.464.939	12.799.521.286

(*) Phải trả tiền nhận góp vốn hộ bao gồm: Nhận góp vốn hộ vào Công ty cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2 là 1.050.000.000 đồng, dự án Khu dân cư Xuân Thới Sơn là 4.650.000.000 đồng và dự án Khu dân cư Xuân Thới Thượng là 3.000.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	15.424.000.000	20.303.500.000
- Vay dài hạn ngân hàng	15.424.000.000	20.303.500.000
+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Nam Việt - Sở giao dịch (a)	15.424.000.000	20.000.000.000
+ Vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội (b)	-	303.500.000
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	15.424.000.000	20.303.500.000

(a) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Nam Việt - Sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 120/10/HĐTD/101-11 ngày 19/10/2010, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 12%/năm trong 36 tháng đầu và khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản.

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Doanh thu cho thuê kho nhận trước	-	491.727.273
Doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
Cộng	-	491.727.273

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. **Vốn chủ sở hữu**
a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	20.974.465.284	(3.842.500)	12.484.857.807	4.223.277.910	24.995.387.781	
Tăng vốn trong năm trước	25.000.000.000	3.750.000.000				16.153.406.190	
Lãi trong năm trước				1.691.128.162	405.870.759	(3.430.970.112)	
Tạm trích lập các quỹ (*)							
Bán cổ phiếu quỹ		4.032.222	3.842.500				
Mua cổ phiếu quỹ			(759.341.306)				
Chia cổ tức năm 2010 (12%)						(15.000.000.000)	
Tạm trích thường ban điều hành						(372.000.000)	
Giảm khác		(769.236.660)					
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	23.959.260.846	(759.341.306)	14.175.985.969	4.629.148.669	22.345.823.859	
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	23.959.260.846	(759.341.306)	14.175.985.969	4.629.148.669	22.345.823.859	
Tăng vốn trong năm nay (*)	14.460.690.000	(14.460.690.000)				6.767.197.048	
Lãi trong năm nay				1.099.202.152	263.808.516	(2.223.441.051)	
Tạm trích lập các quỹ (**)							
Bán cổ phiếu quỹ			(2.935.613.831)				
Mua cổ phiếu quỹ						(14.464.330.000)	
Chia cổ tức năm 2011 (10%)						(263.808.516)	
Tạm trích thường ban điều hành							
Tăng khác					900.000		
Giảm khác						(17.904.722)	
Số dư cuối năm nay	164.460.690.000	9.498.570.846	(3.694.955.137)	15.275.188.121	4.893.857.185	12.143.536.618	

(*) Tăng vốn trong năm nay là khoản Công ty chi trả cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 10:1 bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần.

(**) Công ty tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2012 theo tỷ lệ kế hoạch 2012 của Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông 2012. Số liệu chính thức sẽ được điều chỉnh khi thông qua Đại hội đồng cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	%	01/01/2012 VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây Dựng	14.525.489.000	8,83%	13.204.990.000	8,80%
Vốn góp của các đối tượng khác	149.935.201.000	91,17%	136.795.010.000	91,20%
Cộng	164.460.690.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	14.460.690.000	25.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	164.460.690.000	150.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.446.069	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.446.069	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.446.069	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	534.940	115.420
- Cổ phiếu phổ thông	534.940	115.420
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.911.129	14.884.580
- Cổ phiếu phổ thông	15.911.129	14.884.580
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.202.961.751.451	1.032.823.908.836
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.936.315.764	4.605.539.854
Cộng	1.204.898.067.215	1.037.429.448.690

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	20.610.968.986	19.036.516.758
Giảm giá hàng bán	1.977.747.020	2.346.728
Hàng bán bị trả lại	72.618.167	3.930.000
Cộng	22.661.334.173	19.042.793.486

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	1.180.300.417.278	1.013.781.115.350
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.936.315.764	4.605.539.854
Cộng	1.182.236.733.042	1.018.386.655.204

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.099.310.805.285	935.758.575.196
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.860.594.786	4.396.686.996
Cộng	1.101.171.400.071	940.155.262.192

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.262.892	1.188.562.650
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.571.061.698	18.997.215.562
Lãi công nợ trả chậm	-	800.000.000
Cổ tức được chia	-	15.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.943.139	6.735.628
Cộng	2.666.267.729	21.007.513.840

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	41.701.472.771	38.394.586.534
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.226.538.953	18.642.892.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	101.564.526
Chi phí hoạt động tài chính khác	17.774.725	14.337.177
Cộng	42.945.786.449	57.153.380.702

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.813.465.514	18.298.632.681
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	4.295.182.360	(2.115.747.258)
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.029.788.460	813.832.357
+ Chi phí không được khấu trừ	4.956.473.915	389.061.841
+ Phạt vi phạm hành chính	18.663.486	-
+ Lãi CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu năm trước	54.651.059	424.770.516
- Các khoản điều chỉnh giảm	734.606.100	2.929.579.615
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	15.000.000
+ Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	734.606.100	2.859.928.556
+ Lãi CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	-	54.651.059
Tổng thu nhập chịu thuế	15.108.647.874	16.182.885.423
Trong đó:		
- Thu nhập được giảm 50% thuế TNDN	-	14.775.436.424
- Thu nhập khác không được miễn giảm	15.108.647.874	1.407.448.999
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 50%	-	1.846.929.553
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	22.993.537	(12.511.393)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.800.155.506	2.186.280.410

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.767.197.048	16.153.406.190
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.767.197.048	16.153.406.190
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.942.782	15.457.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	424	1.045

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.998.553.396	31.351.985.216
Chi phí nhân công	19.343.592.950	17.196.605.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.133.067.403	7.552.589.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.375.299.716	11.228.266.556
Chi phí khác bằng tiền	13.754.581.218	11.776.961.809
Cộng	93.605.094.683	79.106.408.494

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác	1.623.794.286	1.675.592.778

Trong năm tài chính 2012, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Minh Phong	Công ty liên kết	Bán Clinker	5.619.746.806

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho đến cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu / (phải trả) (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Minh Phong	Công ty liên kết	Cho Vay mượn	128.815.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong nước	572.506.476.438	672.477.616.780
Xuất khẩu	621.244.980.451	370.989.624.520
Cộng	1.193.751.456.889	1.043.467.241.300

(*) **Ghi chú:** Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác cũng như giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại.
- Lĩnh vực sản xuất.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Năm nay	Thương mại	Sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
- Doanh thu thuần, bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu nhập khác	1.103.185.866.744	77.114.550.534	13.451.039.611	1.193.751.456.889
- Chi phí trực tiếp	1.045.158.733.043	54.152.072.242	1.860.594.786	1.101.171.400.071
- Các chi phí phân bổ	29.392.240.494	2.054.567.125	358.376.773	31.805.184.392
- Chi phí không phân bổ	-	-	-	49.961.406.912
- Lợi nhuận trước thuế	28.634.893.207	20.907.911.167	11.232.068.052	10.813.465.514
- Chi phí thuế TNDN	2.035.113.341	1.485.948.232	798.275.425	4.319.336.998
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.599.779.867	19.421.962.934	10.433.792.627	6.494.128.516

(*)

Ghi chú :

- Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác cũng như giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.
- Năm 2012, lĩnh vực kinh doanh bất động sản chưa phát sinh doanh thu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.297.490.633	68.042.888.453	17.297.490.633	68.042.888.453
Phải thu khách hàng	192.070.251.530	125.500.124.316	192.070.251.530	125.500.124.316
Trả trước cho người bán	100.202.073.015	83.348.388.995	100.202.073.015	83.348.388.995
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.648.501.000	3.452.700.000	1.648.501.000	3.452.700.000
Phải thu khác	14.356.659.542	23.206.155.482	14.356.659.542	23.206.155.482
Cộng	325.574.975.720	303.550.257.246	325.574.975.720	303.550.257.246
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	83.166.919.063	51.090.505.209	83.166.919.063	51.090.505.209
Người mua trả tiền trước	7.594.798.393	4.638.554.790	7.594.798.393	4.638.554.790
Vay và nợ	330.913.990.961	326.544.053.891	330.913.990.961	326.544.053.891
Chi phí phải trả	788.618.803	1.402.639.146	788.618.803	1.402.639.146
Các khoản phải trả khác	9.114.216.301	12.294.348.127	9.114.216.301	12.294.348.127
Cộng	431.578.543.521	395.970.101.163	431.578.543.521	395.970.101.163

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn được đánh giá giá trị hợp lý theo các mô hình định giá khác.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được đo lường có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN). Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố do phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 10:1 như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số liệu năm 2011 (trước điều chỉnh)	Số liệu năm 2011 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch tăng / (giảm)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.153	1.045	(108)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Kiệt

Lê Thị Thúy Nga

Nguyễn Đức Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013

